

TƯ LIỆU

**VIỆT NAM TRONG QUAN HỆ PHÁP-TRUNG NĂM 1884:
MỘT GÓC NHÌN TRUNG QUỐC**

Việt Anh*

Khai phá giá trị tư liệu du ký của Trịnh Quan Ứng

Nam du nhật ký là ghi chép của Trịnh Quan Ứng – một trí thức - doanh nhân Trung Quốc trong chuyến công du tới một số quốc gia ở vùng biển phía nam quốc gia này vào năm 1884. Trong công vụ này, họ Trịnh đã tới đất Sài Gòn của Việt Nam, qua Thái Lan (khi ấy được gọi là vương quốc Xiêm La), Singapour và gặp gỡ những nhân vật Hoa kiều danh giá, thành đạt về địa vị chính trị và năng lực kinh tế.

Theo lời nói đầu của Hạ Đông Nguyên khi biên tập ấn bản *Trịnh Quan Ứng tập* năm 1982,⁽¹⁾ Trịnh Quan Ứng được đánh giá là nhà tư tưởng theo khuynh hướng cải cách, một thành viên của giai cấp tư sản Trung Quốc thời cận đại, thừa hưởng truyền thống môi giới thương mại của gia tộc ở Quảng Đông và bản thân có thâm niên kinh doanh công thương nghiệp. Trong 65 năm tham gia các hoạt động xã hội từ thập niên sáu mươi của thế kỷ XIX tới thập niên 20 của thế kỷ XX, Trịnh Quan Ứng từng đảm trách nhiều vị trí chủ chốt trong các hoạt động kinh doanh hàng hải Anh Quốc và Trung Quốc. Kinh doanh chuyên nghiệp song tư tưởng chủ đạo của họ Trịnh là “phú cường cứu quốc”. Điều này in dấu rõ rệt trong mọi hành động và trước tác của ông. *Nam du nhật ký* thuộc tập thượng của *Trịnh Quan Ứng tập*, là một tác phẩm thuộc nội dung ghi chép tư tưởng và hoạt động xã hội của Trịnh Quan Ứng, trong tương quan với hệ thống sáng tác khác về y dục và quan niệm mê tín phong kiến của ông.

Tác phẩm du ký của họ Trịnh được phương Tây biết tới nhờ khảo cứu của học giả Pháp, trước tiên là của Claudine Salmon và tiếp đó là công bố chung của bà cùng với Tạ Trọng Hiệp.⁽²⁾ Qua đó, người đọc được biết về chuyến công du tới Nam Kỳ (Việt Nam) của Trịnh Quan Ứng vào năm 1884:

“... diễn ra vào đêm trước của cuộc chiến Pháp-Trung, có mục đích là sẵn sàng thế phòng vệ người Pháp ở Nam Kỳ, với hy vọng tiến hành công kích họ. Trịnh Quan Ứng (1842-1922) – nhà ái quốc chuyên môi giới kinh doanh đồng thời cũng là nhà cải cách – được giao nhiệm vụ đi nắm bắt thực lực của đối phương ở các nơi và mời gọi sự hợp tác tài chính của những đại thương gia Hoa kiều (Singapour, Pinang, Bangkok...); thế nhưng có nhiều sự kiện diễn ra dồn dập và sứ mệnh của ông đã kết thúc một cách đột ngột. Tuy vậy du ký của ông mang tên “Nam du nhật ký” đã được gửi gắm cho các nhà chỉ huy quân sự ở Quảng Đông, những người đã ký thác cho ông sứ mệnh cũng như đã chứng thực với ông như một bước mở đầu cho trọng trách của dự định này. Văn bản này ban đầu rơi vào lãng quên, về sau đã được xuất bản ở Đài Loan

* Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam.

với hình thức bản sao chụp vào năm 1965, rồi được tái bản sau đó ở Trung Quốc lục địa.”⁽³⁾

Các nhà khảo cứu tiên phong cho rằng văn bản *Nam du nhật ký* vào thời điểm mới ra đời đã bị quên lãng. Cần nhắc lại, đây là ghi chép trong một sứ mệnh có tính bảo mật theo chủ ý của những người lãnh đạo đương thời. Có thể chăng, việc xuất bản tác phẩm này như là một sự giải mật vào thời điểm thích hợp?

Dù sao, kết quả khảo cứu tư liệu du ký này của Claudine Salmon đóng góp đáng kể cho những nghiên cứu tiếp theo về Trung Quốc và các quốc gia liên quan, nhất là có ý nghĩa quan trọng đối với nghiên cứu về Việt Nam và Sài Gòn của Việt Nam giai đoạn thuộc Pháp. Có thể tìm thấy lời tưởng thưởng dành cho Claudine Salmon qua một bài viết của học giả Léon Vandermeersch được xuất bản năm 2008.⁽⁴⁾ Trong đó, ông cho biết:

“Ghi chép về lịch sử Việt Nam được Trịnh Quan Ứng biên soạn trong phụ lục của ‘*Nam du nhật ký*’ là nội dung của một đoạn giới thiệu ngắn trong nghiên cứu xuất sắc của Claudine Salmon được mang tên ‘*Trois regards chinois sur le Vietnam des années 1880-1890*’ [Ba quan sát của người Trung Quốc về Việt Nam những năm 1880-1890].”⁽⁵⁾

Đoản văn mà Vandermeersch đề cập là một trong số phụ lục của *Nam du nhật ký* có tên “Việt Nam lập quốc thất quốc nguyên ủy” [Nguồn ngọn dựng nước mất nước của Việt Nam]. Đây là bài luận súc tích về lịch sử Việt Nam khởi từ thượng cổ tới nửa sau thế kỷ XIX. Hạn chế phân tích, bình luận sự kiện, Trịnh Quan Ứng rành mạch đi theo diễn tiến lịch đại để hệ thống hành trình lịch sử của nước Việt. Trong bài viết của mình, đối với phụ lục này, Vandermeersch đề cập theo nguồn của Claudine Salmon, cung hiến chế bản chữ Hán (tương đối khó đọc vì chữ nhỏ) và dịch, chú thích ra Pháp văn dựa vào nguyên bản Hán văn được ấn hành tại Thượng Hải năm 1982.

Diễn dịch tư liệu du ký của Trịnh Quan Ứng

Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX đối diện và chứng kiến nhiều biến cố lịch sử lớn không chỉ với riêng nước Việt. Năm 1884, Việt Nam chính thức trở thành thuộc địa toàn phần của thực dân Pháp. Cùng thời điểm, cuộc chiến Pháp-Trung nổ ra. Năm này, Trung Quốc thêm một lần chấp nhận ký với Pháp bản điều ước Thiên Tân bất bình đẳng, trong đó có những điều khoản áp đặt tương tự như nhà Nguyễn của Việt Nam phải gánh chịu: nhượng địa, bồi thường chiến phí..

Trước đó một năm, chính quyền nhà Thanh, đặc biệt là những người cai quản vùng đất Lương Quảng (Quảng Đông-Quảng Tây) giáp Việt Nam đã cắt cử một công vụ mật tới Việt Nam và các quốc gia khác trong vùng biển phía nam để tìm cách đương đầu với sức mạnh Pháp. Từ công vụ mật này, một tác phẩm du ký có tên *Nam du nhật ký* được biên soạn vào năm 1884. Trong đó, đoản văn “Việt Nam lập quốc thất quốc nguyên ủy” tái hiện một cách cô đọng diễn tiến lịch sử nhiều biến động của Việt Nam trong tương quan với các nước, đồng thời phản ánh sắc nét quan niệm của người Trung Quốc về vị thế của Việt Nam trong thế cuộc.

Sau đây là bản dịch Việt văn một số đoạn trong *Nam du nhật ký* có khả năng cung hiến tới độc giả nhiều tư liệu về chuyến công du mật năm 1884 của một tác giả Trung Quốc tới Việt Nam và quan điểm của tác giả về nước Việt, nhất là toàn bộ đoạn văn về ngọn nguồn dựng nước, mất nước của Việt Nam từ truyền thuyết tới sử liệu.

Bài tự tựa sách “*Nam du nhật ký*”⁽⁶⁾

Từ khi hưng thịnh những sáng chế do người Tây phát minh về tàu thủy, đường sắt thì không nơi hiểm yếu nào không tới được, không chốn xa xôi nào không nối thông. Cho nên kẻ sĩ được thích chí bốn phương, thường coi việc đi khắp địa cầu là một thú vui lớn. Đại khái từ nay về sau được nhìn thấy những gì chưa từng thấy, được nghe thấu những gì chưa từng được nghe. Tôi rất ngưỡng mộ điều này, chỉ bởi việc công chông chất chưa được toại nguyện.

Xuân này bọn mọi Pháp xâm chiếm đất Việt Nam [của] ta, Đại Tư mã Bành Ngọc Lân chuyên quản phòng thủ miền Quảng Đông có tâu [bê trên] xin điều Quan Ứng tới đất Điền Việt, truyền hịch đi Sài Gòn, Xiêm La để trình thám tình hình quân địch. Riêng nghĩ người Pháp từ Paris tới miền Hoa Hạ, đường thủy tới hơn hai vạn lý, đáng lẽ không thể mãi kiêu căng, thế mà lại có thể thôn tính những nơi phen giâu [của ta], gây phiền loạn miền Hoa Hạ. Người ta chỉ thấy thế lực bành trướng của nó mà không thấy [hết] được cái khí chất đã mục ruỗng của nó, cho nên [nó] phải lấy đất Sài Gòn làm chốn hội tụ để lấy đường vận chuyển. Thế thì tôi cho rằng ngày nay muốn mưu tính [đương đầu] với Pháp, nếu không phải tính ở Sài Gòn thì còn tính ở đâu được đây?

Tuy nhiên, không dễ dàng gì. Người Pháp từ niên hiệu Hàm Phong thứ 9 [1859] chiếm đoạt Sài Gòn, đặt chức trách Thống đốc cai quản cả miền, kinh dinh kiến thiết 12 năm không chút ngại tay, ngoài thời hòa hảo với lân bang, trong thời nuôi dã tâm thôn tính. Các đảo của Xiêm La, Miến Điện không biết đoàn kết, bị rơi vào túi tham của kẻ đó. Nếu có thể uyển chuyển không ngừng tìm mưu tính kế, hợp cùng Trung Quốc chung sức chế ngự kẻ mạnh bên ngoài thì không chỉ người Pháp không đáng sợ mà cả người Anh cũng không dám kiêu hùng chiếm ngự đất Nam Dương.

Chuyến đi này của tôi: đầu tiên tới Sài Gòn, tiếp đó sang Xiêm La [Thái Lan], sau nữa tới Kim Biên [Phnom Penh], cũng muốn từ Sài Gòn theo tàu biển tới các xứ Tân Châu, Quảng Ngãi, Hội An; rồi vào Hà Nội, ra Hải Phòng, về lại vùng Bắc Hải của Liêm Châu.⁽⁷⁾ Muốn nắm bắt tận cùng hình thế, duyên hải, ranh giới Trung-Việt, thấu hiểu hết thầy căn cơ cốt yếu thực lực của kẻ đi mọi. Tiếc là Lạng Sơn khởi loạn,⁽⁸⁾ rong ruổi chưa khắp, bị trở ngại phải trở ra, điều này thực trong dạ không thỏa nguyện. Thế nhưng xem những hang ổ của người Pháp, những thiết kế thực thi của nước đi mọi, quy mô đại lược nói chung như vậy thì cũng đáng là mối lo muôn một đó! Nếu thói thường coi việc thăm thú quả đất tròn là cuộc đại du lịch, thì chắc hẳn có phần thẹn ở chuyến này.

Niên hiệu Quang Tự năm thứ 10 [1884], năm Giáp Thân, tháng mạnh thu [tháng 8], Hương Sơn Trịnh Quan Ứng kính cẩn đề tại trai phòng Dung Kinh Chú Sứ⁽⁹⁾ thuộc thư viện Ứng Nguyên tại Dương Thành.⁽¹⁰⁾

Ngọn nguồn dựng nước, mất nước của Việt Nam⁽¹¹⁾

[Các vấn đề] thế hệ, diên cách của Việt Nam đã được Tổng đốc [Quảng Tây] Từ Hiếu Sơn⁽¹²⁾ nói kỹ trong tác phẩm “Việt Nam tập lược”. Đại đế, thời thượng cổ đã có tên là Giao Chỉ, tự xưng là hậu duệ của Thần Nông, sau hiệu là Lạc Hùng thị. Thời nhà Chu có họ Việt Thường sống ở phía nam Giao Chỉ, vương tử nhà Thục diệt họ Lạc Hùng xưng An Dương Vương. Tần Thủy Hoàng thấu tóm vùng đất này, đặt làm ba quận. Đầu đời Hán, Nam Việt Vương diệt An Dương Vương. Đến lượt [đời Hán] Vũ Đế diệt Nam Việt, đặt [chế độ] quận huyện; đến thời đại Ngũ quý⁽¹³⁾ đều là quận huyện của Trung Quốc. Thời Đường đặt ra đạo An Nam, khởi tên An Nam từ đó, đương thời tương đương các vùng An Đông, An Tây, An Bắc. Đầu niên hiệu Càn Đức (963-968) đời Tống, phong Đinh Bộ Lĩnh làm Giao Chỉ quận vương, thế là thành đất di mọi [chư hầu của thiên triều]. Giữa niên hiệu Thuần Hy [1174-1189],⁽¹⁴⁾ tiến phong Lý Thiên Tộ làm An Nam quốc vương. Danh xưng An Nam trở thành tên nước bắt đầu từ đó. Từ đời Tống tới đời Minh, năm họ Đinh, Lê, Lý, Trần, Hồ nối nhau đều nhận phong từ Trung Quốc. Khoảng giữa niên hiệu Vĩnh Lạc [1402-1424]⁽¹⁵⁾ thảo phạt cha con Hồ Nhất Nguyên,⁽¹⁶⁾ bình định nước này, đưa trở lại [chế độ] quận huyện. Lê Lợi phản nghịch, rồi biết quay đầu nhận tội, được [thiên triều] trao quyền quản An Nam quốc sự, vậy là thành cát cứ. Khoảng giữa niên hiệu Chính Thống [1435-1449],⁽¹⁷⁾ phong con của Lợi là Lê⁽¹⁸⁾ làm An Nam quốc vương. Đến triều đại [Thanh quốc] đương thời, hai họ Lê, Nguyễn đều chịu sách phong [từ Trung Quốc]. Từ niên hiệu Thuần Hy đời Tống tới nay, nước này đều mang tên là An Nam. Tên gọi Việt Nam được khởi từ Thái Tổ của vương triều hiện tại.

Ban đầu, hậu duệ của bê tôi vương triều nhà Lê là Nguyễn Kim lập quốc ở miền Nông Nại,⁽¹⁹⁾ đời con cháu suy vi, trước đó bị An Nam vương Nguyễn Quang Bình⁽²⁰⁾ bức bách phải nương thân miền biên cảnh Xiêm La; đến đời Nguyễn Phúc Ánh khởi binh nơi đảo Phú Quốc thuộc tỉnh Hà Tiên, có điềm lạ là đôi kính ngư bảo hộ tàu thuyền,⁽²¹⁾ thế là khôi phục được địa bàn cũ đồng thời diệt được An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình. Rồi dâng biểu tới [thiên triều] xin được phong, nói rằng nước này là đất cũ của họ Việt Thường, nay gồm cả An Nam, xin lấy tên Việt Nam làm tên nước; liền được phong làm Việt Nam quốc vương, khi ấy là niên hiệu Gia Khánh⁽²²⁾ năm thứ sáu [1801]. Ấy là Thái Tổ Cao vương [nhà Nguyễn], niên hiệu Gia Long, tại vị 18 năm. Người con trai kế thừa là Nhân vương Phúc Noãn,⁽²³⁾ niên hiệu Minh Mệnh, tại vị 21 năm. Người con trai kế thừa là Chương vương Phúc Miên,⁽²⁴⁾ niên hiệu Thiệu Trị, tại vị 7 năm. Người con trai kế thừa là vị vương đương nhiệm Phúc Thì, niên hiệu Tự Đức. Niên hiệu Quang Tự thứ 9 tức là năm Tự Đức thứ 35 (1882), [vị vua này] không có con, dự định chọn trong số ba người cháu ruột lựa lấy người hiền để lập làm thừa kế.

Đầu niên hiệu Hàm Phong,⁽²⁵⁾ giáo sĩ Pháp Quốc đi truyền giáo ở Việt Nam, người hòa theo đông lắm, khác biệt so với Nho giáo, khi ấy hai bên công kích nhau, từng giết năm vị giáo sĩ người Pháp. Pháp Quốc tính dấy binh hỏi tội mà chưa có kết quả. Đến khi người Anh gây việc ở Trung Quốc, quân Pháp

cũng dự vào. Sau hòa ước [Thiên Tân 1858] được lập, người Pháp chuyển quân tấn công Việt Nam, niên hiệu Hàm Phong thứ tám [1858] chiếm lấy trấn Hộ An thuộc tỉnh Quảng Nam, nay mang tên là Tourane [Độ Dan].⁽²⁶⁾ Khi tiến công Thuận Hóa, binh lính [Pháp] không hợp thủy thổ, nhiều phần tử vong và thương tích, [quân Pháp] bèn chuyển hướng sang Gia Định, đến niên hiệu Hàm Phong thứ chín (1859) thì chiếm trọn miền đất này. Người Pháp nuôi chí giữ hận báo thù, ban đầu không muốn chiếm cứ đất này, rồi sau thấy đất đai màu mỡ, tàu buôn tấp nập, rất đáng giá đất lành cho việc thông thương. Khi ấy người Anh đã sở hữu Singapour, Hồng Kông, người Pháp cũng manh nha ý định chiếm cứ [thuộc địa]. Bèn tâu xin Hoàng đế Pháp Quốc cho lấy Gia Định, thiết lập bến tàu. Rồi đề nghị với Espagne [Y Sĩ Ban quốc] tức Đại Lữ Tống quốc để mượn quân. Nữ hoàng nước ấy có quan hệ hôn nhân thân thiết với Hoàng đế nước Pháp,⁽²⁷⁾ liền khởi mấy ngàn binh ở Tiểu Lữ Tống⁽²⁸⁾ trợ chiến, mau chóng chiếm được sáu tỉnh Nam Kỳ, lập ra thương cảng đặt tên là Tây Cống.⁽²⁹⁾ Niên hiệu Đồng Trị nguyên niên [1862], tháng Năm, vua Việt Nam phái Thượng thư Phan Thanh Giản tới Sài Gòn giảng hòa với Thống sứ Pháp, cắt ba tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Định Tường cho Pháp Quốc làm thuộc địa, lại còn phải bồi thường chiến phí là bốn trăm vạn bạc. Việc đó được đáp ứng thời [quân Pháp] lập tức triệt binh khỏi ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Nước Việt liền bổ nhiệm Phan Thanh Giản làm Kinh lược ba tỉnh này. Pháp Quốc dùng số tiền được bồi thường chia nửa cho Espagne. Sau khi lập hòa ước [1862], [quan hệ] Việt-Pháp giữ yên được bốn, năm năm. Tuy nhiên hận [xâm lăng] trong lòng người Việt không nguôi, người Pháp thâm nhập đất Việt buôn bán hàng hóa phần nhiều bị cướp đoạt. Chủ tướng Pháp Quốc gửi công văn truy vấn, quan chức Việt Nam để đó không hồi âm. Người Pháp bắt được trộm cướp, tra tìm ra được thư từ tương trợ của quan chức Việt Nam, thế là lấy cớ trách phạt việc bội ước, dấy quân hỏi tội. Niên hiệu Đồng Trị thứ 6,⁽³⁰⁾ tháng Bảy, [người Pháp] chiếm lại ba tỉnh Vĩnh Long, Kinh lược Phan Thanh Giản tự tử.

Người Pháp là Jean Dupuis [Đồ Phổ Nghĩ], từng giữ chức Phó Lãnh sự Hồ Bắc,⁽³¹⁾ có mối giao hảo với Đề đốc Vân Nam là Mã Như Long. Từ sau khi chiếm được đất Đại Lý, Mã Như Long nhấn nhủ Dupuis buôn quân trang ở Sài Gòn, ủy cho Thái thú Lý Đan Sơn trợ giúp. Để đi lại nhanh chóng trong địa phận Việt Nam, Dupuis sử dụng công văn giả mạo, quan chức nước Việt nghe theo. Dupuis lại kết giao với quân Cờ Đen đóng ở vùng thượng du là Lưu Nghĩa,⁽³²⁾ nhiều lần vận chuyển quân trang tới đất Điện,⁽³³⁾ dần dà bị [họ Lưu] ý thế làm khó nhiều lên, hiềm khích manh nha chồng chất. Dupuis muốn mượn uy lực quân binh Trung Quốc mà trấn áp, bèn đề đạt với Mã Như Long phái trăm tên dũng binh đóng quân tại Hà Nội; nhiều loạn càng tăng, hiềm khích càng nhiều. Nước Việt sợ Trung Quốc, không biết làm thế nào, nhiều lần tâu xin vua nước Việt gửi thông tư đề nghị với Tổng đốc Quảng Đông là Thụy Lâm⁽³⁴⁾ tra xét, công văn hồi đáp rằng hoàn toàn vô sự. Thế là quan chức Việt Nam nghiêm cấm trong dân, không cho phép dân được buôn bán với Dupuis. Khi ấy Dupuis dùng công văn giả của [chính phủ] Trung Quốc, mang theo hàng hóa, không đường tiêu thụ, rất thiếu lương thực, xuất tiền giá cao thuê người vận chuyển nhưng không tìm được ai. Bèn cùng Lý Thái thú tới Sài Gòn tố với

viên chức chỉ huy quân sự ở Sài Gòn, còn nói rằng Hà Nội thiên thời ôn hòa, địa sản sung túc, dân số phồn thịnh, có đường sông có thể thông với Vân Nam, Pháp Quốc nếu được đất này mà thông thương, kết nối với Sài Gòn sẽ trở thành một miền đại đô hội, không kém các thuộc địa Anh Quốc.

Thống sứ Nam Kỳ từ lâu đã muốn mở rộng mậu dịch, nghe được điều này thì mừng lắm, lập tức sai phái viên của Pháp là Francis Garnier [Gia Di Á]⁽³⁵⁾ dẫn 200 lính đi trên một pháo thuyền tới Hà Nội. Vốn ý định chỉ là sai phái viên này cật vấn về việc mà Jean Dupuis báo cáo và quan sát đường lối thủy bộ. Tuy nhiên viên chức này khi cập bến Hà Nội, lắng nghe giáo dân cùng hậu duệ vua Lê triều trước và thuộc hạ của Jean Dupuis xúi bẩy, rớt cuộc đánh chiếm thành này. Tổng đốc [thành Hà Nội] là Hoàng Tử Viễn⁽³⁶⁾ tự tử. Quan chức Việt Nam ngậm mưu khôi phục, bèn hối lộ quân Cờ Đen trợ giúp khí giới, lương thực. Muốn đánh người Pháp thì lại giả bộ phục tùng, nói với người Pháp rằng:

- Quý quốc đưa binh tới, [chúng tôi] đã đem thành trì nhường cho, về lý càng nên ra sức hết lòng bảo hộ. Chỉ duy có quân Cờ Đen chiếm cứ lân cận, thế rất hung hăng, nước nhỏ chúng tôi khôn chế ngự, nếu [quý quốc] bị [chúng] mạo phạm, [chúng tôi] không dám gánh tội.

Sau đó, Francis Garnier kiêu binh bất cẩn, quả nhiên bị quân Cờ Đen phục kích giết chết. Phía Việt Nam giả bộ hốt hoảng mau chóng báo tin tới Sài Gòn, Thống đốc Nam Kỳ kinh hãi, liền gửi điện hỏa tốc tâu báo đầu đuôi với Hoàng đế Pháp Quốc. Hoàng đế nước Pháp từ sau chiến tranh Pháp-Phổ không muốn khuếch trương biên giới nữa, bèn cử phái viên tới Thuận Hóa gặp gỡ quan chức Việt Nam, giảng hòa với vua nước Việt.

Niên hiệu Đồng Trị thứ 13 (1874) ký hòa ước [Việt-Pháp]. Tại Tân Châu⁽³⁷⁾ thuộc tỉnh Bình Định, người Pháp gọi là Kiến An cũng như Hải Phòng thuộc tỉnh Hải Dương, kết hợp với quan chức Việt Nam thu thuế, rồi lại đặt tòa Lãnh sự cùng lực lượng quân sự tại Thuận Hóa. Lâu ngày rồi hiềm khích lại nảy sinh, quan chức Pháp Quốc nhiều lần đề đạt [Hoàng đế nước Pháp] thôn tính cả nước này để định yên việc thương mại. Hoàng đế Pháp Quốc cho rằng thực lực quốc gia chưa được hồi phục, vả lại đất ấy lam sơn chướng khí không đáng quan tâm, nên không bàn luận về kiến nghị này.

Theo luật Pháp Quốc: trong phạm vi từng xứ sở, một vị thân hào được cử làm Nghị sĩ, có chức trách ở Pháp viện tối cao, khi có việc thì viên Tổng trấn xứ đó gửi công văn tham khảo ý kiến, [viên Nghị sĩ này] cùng các viên thừa hành và các nghị viên tranh biện tới khi ổn thỏa rồi mới thực thi. Từ sau khi lập đất Sài Gòn, chưa cử viên chức này. Niên hiệu Quang Tự⁽³⁸⁾ thứ 8 [1882] mới bầu cử đại luật sư Blanscube [Ba Ling Sĩ Ty]⁽³⁹⁾ làm Nghị sĩ, [viên này] lập tức đưa chỉ hướng thôn tính Hải Phòng ra bàn luận công khai cùng đồng liêu. Jean Dupuis còn tiếc hận mưu đồ làm ăn ở đất Hà Nam, càng ra sức vun vào việc này. Bèn thảo thành tác phẩm sắc bén về triển vọng thôn tính Hải Phòng, lưu hành cả nước đều hay, thế là muôn người chung ý. Vừa hay vào niên hiệu Quang Tự thứ 9 [1883], tháng Tư, nhân cơ viên chỉ huy [quân Pháp] ở Hà Nội lâm trận tử vong, dấy binh báo thù. Viên chỉ huy quân Pháp ở Hà Nội là Carreau [Gia La]⁽⁴⁰⁾ đi tuần đất Tân Châu,⁽⁴¹⁾ tin tình báo cho biết có quân lính Việt Nam và

quân Cờ Đen chừng 2 vạn người chia nhau phòng bị. Carreau bèn ra lệnh tấn công, chiếm lấy pháo đài. Lính Việt lui về giữ thành và công phá quân Pháp. Pháo bắn khiến Gia La bị thương ở chân, nhiều ngày sau thì chết.

Pháp Quốc bổ nhiệm Henri Rivière [Lợi Uy]⁽⁴²⁾ nắm quyền chỉ huy quân sự ở Hà Nội, dưới tay có năm trăm quân, cho rằng binh lực còn mỏng thành giữ kế cố thủ để đợi đại quân. Quân Cờ Đen hàng đêm cứ nã pháo vào, ban ngày lại im bật, muốn quyết chiến một trận mà không được, cứ nhiều phen quấy nhiễu các nhà thờ Công giáo quanh vùng. Giáo sĩ Pháp cầm đầu giáo dân giao chiến, mỗi trận chỉ vài chục người mà đánh lui được hàng trăm quân Cờ Đen thì cho rằng Cờ Đen là đám đông ô hợp, không có năng lực mấy. Bèn cầu viện ở Rivière, Rivière vì nổi binh lực mỏng manh không dám xuất quân, nhưng thỉnh cầu tha thiết quá thành về sau cũng đáp ứng. Quân Cờ Đen hay tin giáo sĩ Pháp cầu viện ở Rivière, tính rằng Rivière ắt sẽ giao chiến, bèn đào nhiều hố ngầm trong rừng tre, bên trên che phủ kín mít, lại thêm cả bùn đất, rồi lại chặt cây chất đống, phát binh bao vây nhà thờ. Rivière dẫn 4 trăm quân tới, quân Cờ Đen làm bộ chạy trốn, Rivière cầm quân truy đuổi, dần sâu vào nơi hiểm trở, quân Cờ Đen trốn biệt không một bóng người. Bất chợt nghe tiếng pháo, phục binh bốn phía ủa ra, đường về đã bị cây đá chắn lối, quân Cờ Đen bao vây tấn công thế như điện giạt. Rivière mình chịu trọng thương vẫn đốc thúc quân lính đoạt lại đại pháo. Đột nhiên bị rơi xuống cầu, trúng đạn mà chết. Quân Cờ Đen thừa thắng đánh vào nhà thờ, hủy diệt hết thảy, cắt mũi chặt chân giáo dân, đàn ông đàn bà không tha ai.

Quân Pháp sau thất bại này chỉ cố thủ tại Hà Nội, rất sợ bị quân Cờ Đen tập kích ban đêm, vậy nên bất luận là thương gia người Trung Quốc, người phương Tây, người Việt Nam hay dân thường, nhà cửa đều bị thiêu đốt sạch bách để tiện pháo kích. Pháp Quốc bổ nhiệm tướng quân Bouët [Ba Hoạt]⁽⁴³⁾ làm chỉ huy trưởng quân đội Pháp tại Hà Nội, [bèn cho] quân nghỉ dưỡng, cố thủ bất động binh để đợi quân viện trợ. Tuy nhiên quân Cờ Đen cứ đêm tối là quấy nhiễu bốn bề, không ngừng tiếng súng khiến lính Pháp không được yên. Quân Cờ Đen còn làm người rơm cầm đèn bầy trận đứng la liệt tạo thế như có hàng ngàn quân. Lính Pháp đi tuần thấy vậy báo động, liên tiếp nổ súng, người rơm cứ đứng sừng sững bất động khiến quân Pháp kinh hãi bất an kéo cả đội ra xem, bị quân Cờ Đen mai phục ủa lên, hô gào công kích. Quân Pháp đại bại, số bị giết bị thương nhiều vô số.

Về sau, quân Cờ Đen tuy nhiều phen dụng kế lạ thắng trận nhưng rốt cuộc binh lực vẫn không địch nổi đối phương mạnh hơn. Người Pháp từng bước chiếm ưu thế, uy hiếp đến Thuận Hóa, khiến vua Việt Nam phải ra hàng và chấp nhận lập hòa ước, khiến hết thảy quân đội và thuế khóa nước Nam thuộc về người Pháp. Còn quân Cờ Đen lui về cố thủ ở Sơn Tây, giao chiến với người Pháp ba ngày ba đêm. Có quan chức người Việt làm nội gián cho người Pháp, lại thêm quân Vân Nam, Quảng Đông án binh bất động không cứu viện khiến quân Cờ Đen không thắng nổi, lại thoái lui giữ lấy miền Hưng Hóa. Người Pháp đóng quân ở Sơn Tây, chiếm lấy Thái Nguyên, tiến công Bắc Ninh. Tướng quân Trung Quốc là Hoàng [Quế Lan], Triệu Ốc thất thủ.

Người Pháp chiếm Bắc Ninh, lấy các xứ Hưng Hóa. Sâm Dục Anh cùng quân Cờ Đen lui về giữ đất Bảo Thắng. Thế là các tỉnh Bắc Kỳ của Việt Nam đều thuộc về tay người Pháp.

Việt Nam trong nhận thức chính trị của Trịnh Quan Ứng

Là một doanh nhân-trí thức có tầm cỡ của Trung Quốc đương thời, như Claudine Salmon đã nhận xét, Trịnh Quan Ứng là nhân vật lỗi lạc nhất, cũng nổi tiếng nhất trong ba tác giả của du ký liên quan tới Việt Nam những năm 1880-1890 mà nữ học giả người Pháp đề cập.⁽⁴⁴⁾ Từng trải quan hệ với phương Tây, giao thiệp với nhiều loại người trong xã hội, kiến văn sâu rộng, trong tác phẩm của ông không có sự choáng ngợp, chùn bước trước sức mạnh của thế giới Âu Châu. Hơn thế, họ Trịnh bằng tâm huyết “giàu mạnh để cứu nước” luôn luôn gắng sức chấn hưng tinh thần của những đồng bào Hoa kiều thành đạt mà ông gặp trên hành trình công du, để thuyết phục họ trợ giúp tốt nhất cho sự nghiệp văn hồi sức mạnh Trung Quốc. Trần Kim Chung (1829-1892), xuất hiện trong các tư liệu của phương Tây với tên phiên âm Tan Kim Ching, người gốc Phúc Kiến, nhà ngoại giao gốc Hoa của Thái Lan, nhà từ thiện lớn, một đại thương gia gốc Hoa hàng đầu đương thời, từng rất bi quan về vận mệnh của Trung Quốc trước sức mạnh phương Tây, đã được Trịnh Quan Ứng thuyết phục như vậy.

Thế nào là “lập quốc”, “thất quốc” của Việt Nam trong nhận thức của tác giả Trung Quốc này? Có tầm nhìn khoáng đạt, tác giả *Nam du nhật ký* không lộ thiếu kiến kỳ thị vụn vặt của người Hoa Hạ đối với Việt Nam. Tuy nhiên, không lộ những kỳ thị vụn vặt không có nghĩa họ Trịnh xem Việt Nam là một quốc gia láng giềng bình đẳng với Trung Quốc. Tư tưởng Đại Hán vốn cho phép người Hán tự coi mình là tinh hoa của thế giới, Trịnh Quan Ứng không ở ngoài truyền thống đó, đến những quốc gia Âu Châu giàu mạnh đương thời như Pháp, Anh cũng chỉ là *di mọi* trong đánh giá của ông. Huống nữa là Việt Nam - một láng giềng nhỏ yếu. Bằng nhận thức thiên bẩm của người viết, Việt Nam được gọi là *ngã Việt Nam* [Việt Nam của ta], *Ngã quốc niệm Việt vi phiên bặc* [Nước ta xưa nay vẫn nghĩ đất Việt là biên ải (của ta)]. Không rườm rà ngôn từ, tác giả trưng dẫn thẳng sử liệu cho thấy Việt Nam từ thượng cổ, trải quá trình dựng nước nhiều thế hệ đã là quận, là đạo phụ thuộc Trung Quốc, khi chấp nhận thụ phong của Trung Quốc mới được coi là vương quốc. Một nửa sau của đoạn văn “Việt Nam lập quốc thất quốc nguyên ủy” đề cập quá trình mất nước của Việt Nam khởi từ thế kỷ XIX, liên quan tới sự can thiệp quân sự của người Pháp vào lãnh địa nước Việt. Trong đó, với cái nhìn nghiêm nhiên của họ Trịnh, Nam Kỳ được coi đã hoàn toàn thuộc sở hữu của người Pháp, như thế quá trình Việt Nam mất vào tay người Pháp chỉ còn diễn ra trên lãnh thổ Bắc Kỳ. “*Thế là các tỉnh Bắc Kỳ của Việt Nam đều thuộc về tay người Pháp*”, đoạn văn đề cập sự mất nước của Việt Nam được kết thúc như thế. Theo nhận thức của tác giả, Việt Nam mất nước tức là khi tuột khỏi sự phụ thuộc của Trung Quốc, rơi vào sự dẫn dắt của chủ thể khác.

Vị thế chiếu dưới của Việt Nam trong thế cuộc chính trị đương thời hiển hiện rành mạch trong ghi chép của Trịnh Quan Ứng - một học giả Trung Quốc

có xu hướng hoạt động chính trị. Dù vậy, qua góc nhìn khắt khe cố hữu của một người Trung Quốc có tầm vóc đa quốc gia về tư tưởng và độ từng trải, không ít chiêm nghiệm dành cho Việt Nam có thể rút ra.

Tám thập niên kể từ giữa thế kỷ XIX khi người Pháp từng bước chiếm hữu Việt Nam, cũng là chừng ấy thời gian người Trung Quốc – hiện hữu là các lực lượng quân sự bạo loạn thất thế từ Trung Quốc tràn sang – khuấy nhiễu khắp Bắc Kỳ. Những cánh tàn quân này, đồng thời với việc gây rối đời sống nhân dân địa phương, cũng đem đến không ít tổn thất quân sự-kinh tế cho người Pháp. Như thể hiện trong đoạn văn “Việt Nam lập quốc thất quốc nguyên ủy” của Trịnh Quan Ứng, đây chính là những lực lượng Trung Quốc duy trì được trong nhiều năm hoạt động tấn công-phòng ngự người Pháp ở Bắc Kỳ. Cho đến khi họ (quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc, quân viện trợ từ Lương Quảng sang) thất thế thoái lui về mạn biên giới phía bắc Việt Nam, “*Thế là các tỉnh Bắc Kỳ của Việt Nam đều thuộc về tay người Pháp*”.

Bắc Kỳ về vị trí địa lý có nhiều tỉnh là biên giới Việt-Trung, là những vùng đất mà Trung Quốc am hiểu tường tận và nhiều lần xâm phạm qua hàng thế kỷ. So với Nam Kỳ, miền Bắc nước Việt gần hơn cho Trung Quốc khi cần can thiệp quân sự để điều khiển chính trị. Việt Nam trong truyền thống cũng bao phen dốc sức toàn quốc bảo vệ biên giới phía bắc. Trịnh Quan Ứng từ Trung Quốc nhưng có cái nhìn khác: nung nấu chí hướng công kích sức mạnh Pháp, chấn hưng Trung Quốc, tái thiết vị thế quốc gia trên thế giới, ông nhận ra tầm quan trọng thiết yếu của miền Nam Việt Nam, cụ thể là Sài Gòn. Đây là nơi chính người Pháp đã phát hiện và nhanh chóng kiến thiết cơ sở đứng chân, thể chế hóa thành thuộc địa để tận dụng những ưu thế thiên thời địa lợi nhằm sức tích tiềm lực kinh tế, phát huy lợi thế hàng hải quân sự từ miền Trung. Sài Gòn trong hệ thống tương quan với các quốc gia có biển như Thái Lan, Singapour, Malaysia, Mianma chiếm vị trí đặc địa. Thêm một yếu tố đáng kể, hệ thống các địa phương lợi thế về hàng hải này là những địa bàn kinh doanh lâu năm và hữu hiệu của nhiều thương gia Trung Quốc nói chung và Hoa kiều nói riêng. So sánh với các lực lượng quân sự gốc Hoa ở Bắc Kỳ, thực lực của đội ngũ thương gia gốc Hoa này có lẽ là giải pháp thích đáng cho sức mạnh Trung Quốc ở Nam Kỳ của Việt Nam. Một trong những mục đích của công vụ mật năm 1884 của Trịnh Quan Ứng là tận dụng quan hệ với những nhân vật như thế – những thương gia có viên kiến chính trị, giàu có về tài chính, am hiểu Việt Nam và thực lực người Pháp ở Việt Nam. Lữ Thành được Trịnh Quan Ứng nhắc tới trong *Nam du nhật ký* là một nhân vật tiêu biểu, người “*từ nhỏ buôn bán ở Nam Dương, qua lại Xiêm, Việt, [tính người] hào hoa trượng nghĩa, đồ đảng rất đông, từng bị người Pháp gây khó dễ nhiều lần tại Sài Gòn, từng trình bày mưu kế khôi phục, rành rọt sáng rõ. Tôi rất hòa hợp với người ấy, muốn thu phục làm việc cho nước nhà, khiến thâm nhập vào những nơi trọng yếu của Xiêm, Việt để thám sát tình hình*”.⁽⁴⁵⁾

Không chỉ thực hiện quyết sách cầu kiếm và hội tụ sức mạnh kinh tế-chính trị của Hoa kiều, Trịnh Quan Ứng nhìn ra thế mạnh liên kết các quốc gia để đương đầu với phương Tây. Trong nhật ký, ông viết:

“Nay người Pháp tỏ ra hung mạnh, chiếm cứ An Nam, diệt Phnom Penh [Kim Biên]; người Anh ngang ngược âm mưu, chiếm cứ Ấn Độ, đoạt Miến Điện, lại thôn tính cả các đảo miền Nam Dương ngoài lãnh hải. Lúc này đều cứ giả danh là thông thương, truyền giáo, kỳ thực ắt là thâm tâm tính kế. Việt Nam đã chịu tiếng ngu, ắt sớm sẽ bị thuận theo mà khuất phục bạo lực. Nếu Xiêm La còn ngờ vực nhìn quanh, không liên kết với Miến Điện để phụng sự Trung Quốc, tương lai ắt sẽ dẫm phải vết đi trước của Việt Nam, không bị người Anh làm loạn thì cũng bị người Pháp tiêu diệt.”⁽⁴⁶⁾

Không thoát khỏi quan niệm độc tôn Trung Quốc, song họ Trịnh nhận rõ tầm quan trọng của việc liên kết các nước trong khu vực để đương đầu với phương Tây. Tự coi Trung Quốc là trung tâm và đòi hỏi các nước chung quanh tìm về xin quy phục, tâm thế đó không che phủ được kỳ vọng liên minh đa quốc gia của nhà hoạt động chính trị kiêm thương gia này. Có điều, nếu hình thành được mô hình liên minh các chính phủ như vậy, Trung Quốc của Trịnh Quan Ứng phải ngồi ở chiếu trên. Với tư tưởng bá chủ tiêu biểu, một khi tự hiểu và tự tìm được chiến lược phục hưng cho quốc gia mình, người Trung Quốc đầy sắc sảo như Trịnh Quan Ứng đương nhiên nhận thức sâu sắc một chiến lược khác áp dụng cho các nước láng giềng. Nói cụ thể, nếu trên lãnh thổ Việt Nam, người Pháp từng áp dụng kế sách chia để trị, thì trong đường lối ngoại giao đối với láng giềng, Trung Quốc cũng không hoan nghênh các liên kết quốc gia thoát Trung, càng không mong muốn địa vị thiên triều của mình bị xóa bỏ.

Mối lo này của họ chính là nhược điểm của họ!

V A

CHÚ THÍCH

- (1) Nguyên bản Hán văn có tên *Trịnh Quan Ứng tập*, Thượng Hải Nhân dân xuất bản xã, 1982. Văn bản *Nam du nhật ký* được sử dụng trong bài viết nằm trong ấn bản này (tr. 941-1009).
- (2) Claudine Salmon và Tạ Trọng Hiệp, “Les récits de voyage chinois comme source pour l'étude du Vietnam (X^e-XX^e)”, trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient (BEFEO)*, năm 1996, tập 83, số 83, tr. 67-87.
- (3) *BEFEO*, đã dẫn, tr. 77 (V.A. dịch).
- (4) Léon Vandermeersch, “Une note chinoise de 1884 sur l'Histoire du Vietnam”, trong *Monde du Viêt Nam* [Thế giới của Việt Nam], Les Indes Savantes, 2008, tr. 243-251. Đây là tập hợp nghiên cứu của nhiều học giả quốc tế dành để tôn vinh thành tựu khoa học của Giáo sư sử học Nguyễn Thế Anh.
- (5) V.A. dịch.
- (6) Nguyên văn chữ Hán dựa vào ấn bản của Thượng Hải, đã dẫn. *Thượng sách*, tr. 941-942.
- (7) Tên gọi trước của đất Hợp Phố, thuộc khu tự trị Choang ở tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc).
- (8) Chỉ trận Bắc Lệ (còn được gọi là trận chiến cầu Quan Âm) tại Lạng Sơn. Sự kiện này xảy ra từ ngày 23 tháng 6 tới mùng 3 tháng 7 năm 1884, trong bối cảnh người Pháp vì tự tin vào trật tự được định đoạt sau hiệp ước Việt-Pháp và điều ước Pháp-Thanh đều được ký kết trong nửa đầu tháng 6, đã kéo quân lên tiếp quản các tỉnh thành Lạng Sơn, Cao Bằng. Không ngờ, lực lượng liên minh quân sự Việt-Trung đồn trú quanh thành Bắc Lệ, cầu Quan Âm đã không nhượng bộ, tấn công mãnh liệt gây tổn thất nặng nề cho quân Pháp.
- (9) *Dung kinh chú sử*: nghĩa là sôi kinh nấu sử.
- (10) Thuộc thành phố Quảng Châu (Trung Quốc).
- (11) Nguyên văn chữ Hán dựa vào ấn bản của Thượng Hải, đã dẫn. *Thượng sách*, tr. 985-988.

- (12) Túc Từ Diên Húc (?-1884), khi ấy là Tổng đốc Quảng Tây.
- (13) Ngũ quý: tức 5 triều đại Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu ở Trung Quốc (907-979).
- (14) Niên hiệu đời vua Tống Hiếu Tông (Trung Quốc).
- (15) Niên hiệu đời vua Minh Thái Tông (Trung Quốc).
- (16) Túc Hồ Quý Ly.
- (17) Niên hiệu đời vua Minh Anh Tông (Trung Quốc).
- (18) *Minh sử* của Trung Quốc chép người con nối ngôi của Lê Lợi tên là Lân, tức là Hoàng Thái tử Lê Nguyên Long, sau khi lên ngôi được truy phong miếu hiệu là Lê Thái Tông.
- (19) Vùng đất nằm phía đông bắc Nam Bộ, nay thuộc thành phố Biên Hòa.
- (20) Chỉ Nguyễn Huệ (1753-1792), một trong những thủ lĩnh của phong trào Tây Sơn, sau lên ngôi Quang Trung Hoàng đế.
- (21) Theo diễn giải của Léon Vandermeersch, đây là cách diễn đạt đầy văn chương của một thực tế là khi ấy, Nguyễn Phúc Ánh có được sự trợ giúp đắc lực của hai sức mạnh: một là hai tàu lớn từ châu Âu tới viện trợ theo đề nghị của giáo sĩ Pigneau de Behaine và một là những đội tàu chiến dũng mãnh do chính Nguyễn Phúc Ánh lập ra để chiến đấu với quân Tây Sơn, giành lại vương quyền của tiền nhân là các chúa Nguyễn.
- (22) Niên hiệu đời vua Thanh Nhân Tông (Trung Quốc). Chính xác là năm Gia Khánh thứ 9 (1804).
- (23) Ở đây có sự nhầm lẫn của tác giả Trung Quốc Trịnh Quan Ứng. Theo *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, vua Gia Long ngoài tên húy là Ánh còn có các tên gọi khác là Noãn và Chung. Như vậy, Nguyễn Phúc Noãn chính là Nguyễn Phúc Ánh. Nối ngôi của Nguyễn Phúc Ánh là vị vua có niên hiệu Minh Mệnh. Đây là người con trai thứ tư của Nguyễn Phúc Ánh, húy là Đạm, cũng có tên gọi là Kiểu. Léon Vandermeersch cho rằng có sự nhầm lẫn về tự dạng giữa chữ Noãn 暖 và chữ Kiểu 皎 (tuy nhiên ông phiên âm chữ 皎 là *Giao*).
- (24) Tên chính xác là Nguyễn Phúc Miên Tông, tức vua Thiệu Trị.
- (25) Hàm Phong (1851-1861): Niên hiệu một vị vua Trung Quốc đời nhà Thanh.
- (26) Từ đây tới cuối bài, các danh từ riêng trong ngôn ngữ Latin vốn được Trịnh Quan Ứng phiên âm bằng chữ Hán sẽ được đặt trong ngoặc vuông ngay sau danh từ đã được trả về nguyên âm của nó.
Tourane là tên mà người Pháp đặt cho cảng Đà Nẵng. Ở đây, có lẽ Trịnh Quan Ứng có sự nhầm lẫn giữa Tourane (tức Đà Nẵng) và Hội An. Năm 1858, người Pháp nhiều lần uy hiếp quân sự và tấn công Đà Nẵng. Cuối năm này, quân Pháp bị cầm chân tại Đà Nẵng, chưa vào được tới Hội An.
- (27) Khi ấy, công nương Eugénie de Montijo làm vợ của Hoàng đế Napoléon III. Bà là con gái của một vị Bá tước xứ Espagne.
- (28) Túc xứ Manille (Philippine), đương thời là thuộc địa của Espagne.
- (29) Túc Sài Gòn.
- (30) Niên hiệu vua nhà Thanh (Trung Quốc), tức năm 1867.
- (31) Trung Quốc.
- (32) Trong sử sách Việt Nam, nhân vật này được biết tới với tên gọi Lưu Vĩnh Phúc.
- (33) Túc địa phận tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).
- (34) Thụy Lân (?-1874), người Mãn Châu, khoảng niên hiệu Đồng Trị được bổ nhiệm Tổng đốc Luống Quảng.
- (35) Túc Francis Garnier (1839-1873). Trong thư tịch Việt Nam, tên của ông thường được phiên âm là Ngọc Nhi.
- (36) Trong bài "Une note chinoise de 1884 sur l'Histoire du Vietnam" đã dẫn, Léon Vandermeersch cho rằng Trịnh Quan Ứng nhầm với trận đánh thành Hà Nội lần thứ hai vào năm 1882 do quân Pháp gây ra, khi ấy Tổng đốc thành Hà Nội là Hoàng Diệu.

Trong sự kiện thành Hà Nội thất thủ bởi quân Pháp năm 1873 được Trịnh Quan Ứng đề cập, Nguyễn Tri Phương (1800-1873) với trọng trách Khâm mệnh đại thần tại Bắc Kỳ là người đã quyết tử tại thành.

- (37) Túc cảng Thị Nại, người Trung Quốc gọi là Tân Châu. Đoạn này ngụ ý chỉ khoản XI của hòa ước Giáp Tuất (1874) buộc triều đình Huế phải mở cửa Thị Nại (Quy Nhơn), cửa Ninh Hải (Hải Phòng), thành Hà Nội và Sông Hồng cho người ngoại quốc vào buôn bán.
- (38) Niên hiệu vua nhà Thanh (Trung Quốc), 1875-1908.
- (39) Túc Jules Blanscubé (1834-1888). Ông đến Nam Kỳ năm 1865, là thành viên của Hội Tam điểm và phóng viên, cũng là một chiến binh cho tới cuối cuộc chiến Đông Dương. Sau được bổ làm Thị trưởng Sài Gòn vào những năm 1879-1880, rồi Nghị viên.
- (40) Túc Trung tá Carreau.
- (41) Chỉ vùng đất mới khai hoang lấn biển thuộc tỉnh Nam Định.
- (42) Túc Henri Rivière (1827-1883).
- (43) Túc Alexandre Eugène Bouët (1833-1887).
- (44) Claudine Salmon (1996), đã dẫn, tr. 225.
- (45) *Trịnh Quan Ứng tập, thượng sách* (1982), đã dẫn, tr. 946-947.
- (46) Như trên.

TƯ LIỆU THAM KHẢO (trích yếu)

1. Trịnh Quan Ứng [Zheng Guanying] (1884), “Nam du nhật ký”, trong *Trịnh Quan Ứng tập*, Tái bản: Thượng Hải Nhân dân xuất bản xã, 1982.
2. Claudine Salmon (1996), “Trois regards chinois sur le Vietnam des années 1880-1890”, trong *Récits de voyage des Asiatiques*, Paris: EFEO, 1996, tr. 223-251.
3. Claudine Lombard-Salmon và Tạ Trọng Hiệp (1996), “Les récits de voyages chinois comme source pour l'étude du Vietnam (Xe-XXe siècle)”, trong *BEFEO*, tập 83, tr. 67-87.
4. Léon Vandermeersch (2008), “Une note chinoise de 1884 sur l'Histoire du Vietnam”, trong *Monde du Viêt Nam-Vietnam World. Hommage à Nguyễn Thê Anh*, Frédéric Mantienne và Keith W. Taylor chủ biên, Paris: Les Indes Savantes, 2008, tr. 243-251.

TÓM TẮT

Du ký Việt Nam được biên soạn bởi tác giả Trung Quốc từ lâu nay được đánh giá là nguồn sử liệu hữu hiệu để nghiên cứu về Việt Nam và các nước liên quan. *Nam du nhật ký* được Trịnh Quan Ứng thực hiện năm 1884 là một ví dụ tiêu biểu, từng được học giả Pháp khám phá và khảo cứu. Kế thừa thành tựu đó ở phương diện tận dụng văn bản Hán văn của tác giả họ Trịnh, bài viết gồm ba phần: Khái lược quá trình khám phá giá trị tư liệu du ký của Trịnh Quan Ứng; Giới thiệu, phiên dịch, chú giải một số nội dung tư liệu liên quan Việt Nam trong *Nam du nhật ký*; Việt Nam trong nhận thức chính trị của Trịnh Quan Ứng.

ABSTRACT

VIETNAM IN THE FRANCE-CHINA RELATIONS IN 1884: VIEWPOINT OF A CHINESE

So far, traveler's notes on Vietnam compiled by Chinese authors have been regarded as an essential historical source to do research on Vietnam and relevant countries; “*Nam du nhật ký*” (Diary about the Travel to the South), which was written by Trịnh Quan Ứng in 1884, discovered and studied by French scholars, is a typical example. The article, inheriting previous achievements and taking advantage of the Chinese text by Trịnh Quan Ứng, includes three parts: Summarizing the process of finding out the documentary value of Trịnh Quan Ứng's travel diary; Introducing, translating and annotating some contents related to Vietnam in “*Nam du nhật ký*”; Vietnam in Trịnh Quan Ứng's political viewpoint.